

kết quả cần được báo cáo trong biên bản thử nghiệm hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm và cần có tất cả các thông tin cần thiết đối với mẫu thử.

9.2. Các phiếu kết quả thử nghiệm ít nhất phải bao gồm các thông tin sau:

a) Tiêu đề: Ví dụ “Phiếu kết quả thử nghiệm”, “Chứng chỉ chất lượng”...

b) Tên và địa chỉ phòng thử nghiệm.

c) Mã hiệu của phiếu kết quả thử nghiệm (số xêri).

d) Tên và địa chỉ khách hàng.

e) Mã hóa mẫu thử nghiệm.

g) Ngày nhận mẫu, ngày thực hiện phép thử và ngày lấy mẫu.

h) Phương pháp thử được sử dụng, hoặc mô tả phương pháp đã sử dụng trong hộp chia có tiêu chuẩn chính thức.

i) Kết quả thử nghiệm và ý kiến nhận xét.

k) Chữ ký và chức vụ của người chịu trách nhiệm về nội dung giấy chứng nhận hoặc phiếu kết quả và ngày tháng ký.

l) Công bố (phần cuối trang) tính hiệu lực của phiếu kết quả thử nghiệm và không được sao chép nếu không được sự đồng ý của phòng thử nghiệm bằng văn bản.

9.3. Nếu phiếu kết quả thử nghiệm có các kết quả thử nghiệm do phòng thử nghiệm khác thực hiện thì các kết quả này phải được ghi chú rõ ràng.

9.4. Phiếu kết quả thử nghiệm phải thống nhất hình thức bố trí cho từng lĩnh vực thử nghiệm đảm bảo tính khoa học và chính xác, rõ ràng. Hình thức phải được thiết kế cẩn thận và cụ thể cho từng phép thử đã tiến hành. Các tiêu đề cần phải đạt tiêu chuẩn hóa đến mức cao độ.

9.5. Việc sửa đổi hoặc bổ sung phiếu kết quả thử nghiệm đã ban hành được thực hiện chỉ dưới dạng của một tài liệu bổ sung.

9.6. Phòng thử nghiệm phải đảm bảo thông báo kết quả thử nghiệm cho khách hàng một cách thuận lợi và nhanh chóng.

10. Tiếp nhận và xử lý thông tin:

10.1. Phòng thử nghiệm phải có quy định để giải quyết các ý kiến phản ánh của khách hàng và các cơ quan liên quan về các hoạt động của phòng thử nghiệm.

10.2. Phòng thử nghiệm phải có biện pháp khắc phục kịp thời các ý kiến phản ánh thuộc phạm vi hoạt động và trách nhiệm của mình phù hợp với các quy định đã nêu trong tiêu chuẩn này.

10.3. Phòng thử nghiệm phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ các ý kiến phản ánh và các biện pháp đã được khắc phục./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

NGUYỄN QUANG HÀ

THÔNG TƯ số 56/1999/TT-BNN-KL ngày 30/3/1999 hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn, làng, buôn, bản, ấp.

Thi hành Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Dân chủ thực hiện ở xã, sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ: Tư pháp, Văn hóa - Thông tin và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng như sau:

I. YÊU CẦU XÂY DỰNG QUY ƯỚC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Luật pháp thừa nhận quy ước của thôn, làng, buôn, bản, ấp (sau đây gọi chung là thôn, bản) là những quy tắc xử sự trong nội bộ cộng đồng và do cộng đồng "thỏa thuận đa số" và tự nguyện thực hiện. Các quy định về bảo vệ và phát triển rừng trong quy ước của cộng đồng thôn, bản một mặt phải phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và tuân thủ những quy định của pháp luật; mặt khác phải kế thừa, phát huy thuần phong mỹ tục những tập quán tốt của địa phương.

2. Bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan, phạt vạ trái pháp luật, gây chia rẽ mất đoàn kết trong cộng đồng.

3. Những nội dung trong quy ước về bảo vệ và phát triển rừng phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TRONG QUY ƯỚC CỦA THÔN, BẢN

Tùy theo tình hình kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đặc thù của từng thôn, bản, cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn gợi ý và thảo luận với trưởng thôn, bản xác định và lựa chọn những nội dung cơ bản trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương, sắp xếp theo thứ tự quan trọng và cách giải quyết để đưa ra hội nghị cộng đồng thôn, bản xem xét, thống nhất trong quy ước.

Những nội dung chủ yếu cần bàn bạc để xây dựng quy ước về bảo vệ và phát triển rừng là:

1. Quyền lợi và nghĩa vụ của mọi thành viên cộng đồng trong việc bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường sống. Thực hiện có hiệu quả phong trào "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác". Khuyến khích các quy định của cộng đồng thôn, bản trong quy ước về những tập quán tốt, chẳng hạn: trồng một số cây lưu niệm tại những nơi quy

định như "Vườn hạnh phúc", "Vườn cây nhớ ơn Bác Hồ", "vườn trường"....

2. Về phát nương làm rẫy trên địa bàn thôn, bản ngoài việc cam kết chấp hành các quy định của Nhà nước, các thôn, bản có thể quy định những vấn đề về thâm canh, xen canh tăng năng suất cây trồng.

3. Những quy định về bảo vệ rừng và việc huy động nội lực để chăm sóc, nuôi dưỡng... phát triển những khu rừng do cộng đồng thôn, bản làm chủ rừng, những khu rừng sinh thủy quan trọng; những khu rừng lịch sử, phong cảnh, tín ngưỡng của cộng đồng.

4. Về khai thác, mua bán vận chuyển gỗ và lâm sản.

5. Về bảo vệ, săn bắn, bẫy bắt và sử dụng động vật rừng.

6. Về việc chăn thả gia súc trong rừng.

7. Về phòng cháy, chữa cháy rừng, sử dụng lửa trong rừng và các vấn đề về phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

8. Về việc phối hợp tổ chức nhận khoán bảo vệ rừng; nhận rừng, đất lâm nghiệp của từng thành viên trong cộng đồng để bảo vệ, kinh doanh, trồng mới và sản xuất nông - lâm kết hợp.

9. Vấn đề sử dụng, tạo giống, nhân giống cây trồng trong sản xuất lâm nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh rừng.

10. Vấn đề phát hiện, ngăn chặn những tác nhân xâm hại đến rừng, người các địa phương khác đến địa bàn thôn, bản phá rừng làm rẫy, khai thác, mua bán, vận chuyển, săn bắt động vật rừng trái phép và hành vi chứa chấp những việc làm sai trái đó.

11. Về việc tương trợ giúp đỡ nhau giữa các thành viên của cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ, phát triển rừng và tổ chức dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

12. Bảo vệ và phát triển rừng không chỉ là công

việc nội bộ của từng thôn, bản; do vậy trong quy ước cần đề cập khía cạnh phối hợp "liên thôn", "liên bản" để đảm bảo quản lý bảo vệ và phát triển rừng có hiệu quả.

13. Quy ước thôn, bản có thể quy định việc xem xét giải quyết của cộng đồng đối với những vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng như các quy định về bồi thường thiệt hại và xử phạt, tuy nhiên việc giải quyết ở thôn, bản chủ yếu bằng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, hòa giải, và phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi thôn, bản, không được quy định việc xử phạt trái với quy định của pháp luật.

14. Những việc có tính chất công ích chung của thôn, bản về bảo vệ và phát triển rừng như: tổ chức các tổ tuần tra rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng... có thể quy định việc huy động đóng góp của nhân dân nhưng phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện và đúng quy định tại Nghị định số 29/CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ về việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở xã.

III. TỔ CHỨC XÂY DỰNG QUY ƯỚC VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Trước khi tổ chức xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng thôn, bản, kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, trao đổi và thống nhất với Trưởng thôn, bản những nội dung cần đưa ra trước hội nghị thôn, bản để bàn bạc, thảo luận, biểu quyết nhất trí và cam kết thực hiện.

2. Trưởng thôn, bản triệu tập hội nghị dưới 2 hình thức: hội nghị toàn thể nhân dân hoặc hội nghị đại diện gia đình trong thôn, bản.

Trình tự hội nghị như sau:

a) Trưởng thôn, bản trình bày các nội dung cần thể hiện trong quy ước bảo vệ và phát triển rừng để nhân dân thảo luận, biểu quyết công khai thông qua nội dung từng phần và thông qua tổng thể quy ước; biên bản hội nghị phải được ghi đầy đủ,

trung thực có chữ ký của Trưởng thôn, bản và thư ký hội nghị. Biên bản hội nghị này được gửi kèm theo cùng với bản dự thảo quy ước đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

b) Nếu các nội dung quy ước được từ hai phần ba số người dự hội nghị trở lên tán thành thì Hội đồng nhân dân xã xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chuẩn y.

3. Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chuẩn y quy ước về bảo vệ và phát triển rừng của thôn, bản, Ủy ban nhân dân xã tổ chức hội nghị nhân dân trong thôn, bản thông báo nội dung và bàn biện pháp thực hiện bản quy ước của cộng đồng.

4. Thôn, bản cử ra tổ bảo vệ và phát triển rừng, ủy viên thanh tra nhân dân để tổ chức, giám sát việc thực hiện quy ước đó.

5. Khi có những tranh chấp, vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng, nếu thuộc nội bộ của cộng đồng đã được quy định trong quy ước thôn, bản sẽ được nhắc nhở, giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải trong cộng đồng, trường hợp hành vi và mức độ vi phạm đã được pháp luật quy định phải xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự thì trưởng thôn, bản lập biên bản báo cáo Ủy ban nhân dân xã đồng thời báo cho kiểm lâm địa bàn để xử lý.

6. Nghị quyết của hội nghị thôn, bản xem xét, giải quyết những vi phạm quy ước của hộ gia đình, cá nhân trong thôn, bản có giá trị khi được ít nhất quá nửa số người dự họp tán thành và không trái với các quy định của Nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Kiểm lâm chỉ đạo việc triển khai thực hiện Thông tư này, theo dõi, kiểm tra định kỳ tổng hợp tình hình báo cáo Bộ.

Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương phối hợp chặt chẽ với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Văn hóa - Thông tin và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn, bản theo Thông tư này, phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và phong tục, tập quán của từng dân tộc.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

BỘ TÀI CHÍNH